

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v: “L hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Liễu.

2. Bà Vương Thị Dung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***  
Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “L hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm: 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 130, ấp ĐĐ3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp TH, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

***2. Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 130, ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2020; bản tự khai; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/4/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Chị và anh L đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm gia đình không thuận hòa, không thể hàn được vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Cẩm L, sinh ngày 23/3/2010 và Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 27/8/2014. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí L: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh L.

*Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin L hôn của chị Trần Thị Thu T.

Giao các con chung tên là Nguyễn Ngọc Cẩm L, sinh ngày 23/3/2010 và Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 27/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng khi L hôn; tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về L hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Chí L hiện cư trú tại xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện L hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "L hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trần Thị Thu T là nguyên đơn; anh Nguyễn Chí L là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Chí L và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng anh L vắng mặt mà không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh L và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống, chị T và anh L hiện nay không còn chung sống với nhau, phù hợp với nội dung xác L tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của chị T và anh L (BL24). Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị T, anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu L hôn của chị Trần Thị Thu T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu L hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho L hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân L2 vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[6] Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc Cẩm L, sinh ngày 23/3/2010 và Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 27/8/2014. Qua kết quả xác L thu thập tài liệu, chứng cứ ở địa phương thể hiện trong thời gian không sống chung với nhau, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu L2, hiện nay chị T đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, cháu L và cháu L2 cũng sinh sống và học tập tại nơi cư trú chị T và cháu L có nguyện vọng được sống chung với chị T. Xét thấy chị T đủ điều kiện để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu L và cháu L2, nên Hội đồng xét xử giao cháu L và cháu L2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau L hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời miễn cho anh L nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Thu T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được L hôn với anh Nguyễn Chí L.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc Cẩm L, sinh ngày 23/3/2010 và Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 27/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu, nên tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Khi L hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi L hôn, quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...)

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị T đã nộp (biên lai số 0002877 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được căn trừ qua án phí. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Thái**